Ký bởi: HĐND tỉnh Thanh Hóa
Giờ ký:17/10/2026 11:24:24

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 87/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 17 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa (đợt 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030; số 1060/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2026 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 02/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa; số 35/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 về dự kiến nhu

cầu kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa; số 55/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030; số 61/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa (đợt 2); Báo cáo thẩm tra số 1594/BC-KTNS ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa (đợt 2), với những nội dung sau:

1. Tổng số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương chưa phân bổ chi tiết là: 12.529,041 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh: 7.929,581 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 97,773 tỷ đồng.

c) Vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 4.501,687 tỷ đồng.

2. Số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương phân bổ chi tiết (đợt 2) là: 4.110,884 tỷ đồng, bao gồm:

a) Phân bổ chi tiết cho các dự án khởi công mới thuộc cấp tỉnh quản lý là: 3.331,670 tỷ đồng, trong đó: vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là: 1.736,672 tỷ đồng; vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là: 1.519,725 tỷ đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là: 75,273 tỷ đồng.

b) Phân bổ chi tiết cho các dự án thuộc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất tại các xã khu vực miền núi của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 là: 779,214 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất.

(Chi tiết có các Phụ lục I, II kèm theo).

3. Số vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách địa phương còn lại chưa phân bổ chi tiết là: 8.418,157 tỷ đồng, bao gồm:

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh: 5.413,695 tỷ đồng.

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 22,500 tỷ đồng.

c) Vốn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 2.981,962 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Hồng Phong

Phụ lục I

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG DO TỈNH QUẢN LÝ BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI (ĐỢT 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn ngân sách cấp tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ				**5.913.615**	**3.706.670**	**3.331.670**	
A	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỀ NGÂN SÁCH TỈNH**				**3.826.615**	**1.736.672**	**1.736.672**	
1	Đường Bùi Khắc Nhất phía Nam doanh trại Công an tỉnh, phường Hạc Thành	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	2026 - 2027	2509/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	455.500	455.500	455.500	UBND phường Hạc Thành
2	Đường giao thông từ xã Thanh Quân đi xã Thanh Phong tỉnh Thanh Hóa (vùng CT229)	Quốc phòng	2026 - 2029	239/QĐ-UBND ngày 07/7/2026	235.000	235.000	235.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
3	Đầu tư xây dựng cầu BTCT thay thế cầu treo Nam Xuân, xã Nam Xuân.	Giao thông	2027 - 2029	2640/QĐ-UBND ngày 21/8/2026	36.000	36.000	36.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
4	Đầu tư xây dựng cầu BTCT thay thế cầu treo Chiềng, xã Phú Lệ.	Giao thông	2027 - 2029	2973/QĐ-UBND ngày 11/9/2026	89.000	89.000	89.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
5	Kè xử lý sạt lở bờ biển khu vực Nam Sầm Sơn	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2026 - 2028	2451/QĐ-UBND ngày 11/8/2026	50.000	50.000	50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT
6	Đầu tư xây dựng mới cống tiêu Nội Hà tại K32+739 đê tả Cầu Chày, xã Định Hoà	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2027 - 2029	2922/QĐ-UBND ngày 08/9/2026	50.000	50.000	50.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT
7	Sửa chữa, cải tạo trường THPT Lang Chánh	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	5213/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 2546/QĐ-UBND ngày 17/8/2026	16.458	16.458	16.458	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
8	Trường THCS&THPT Bá Thước	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	11/QĐ-UBND ngày 02/01/2025 2511/QĐ-UBND ngày 14/8/2026	15.067	15.067	15.067	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
9	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Thường Xuân 2	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	5214/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 2659/QĐ-UBND ngày 22/8/2026	15.612	15.612	15.612	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
10	Trường THPT Như Xuân	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	2390/QĐ-UBND ngày 06/8/2026	23.109	23.109	23.109	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
11	Trường THPT Vĩnh Lộc	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	2392/QĐ-UBND ngày 06/8/2026	17.362	17.362	17.362	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
12	Trường THPT Hà Văn Mao	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	2391/QĐ-UBND ngày 06/8/2026	22.322	22.322	22.322	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
13	Trường THPT Thạch Thành I	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	2545/QĐ-UBND ngày 17/8/2026	19.842	19.842	19.842	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

STT	Danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn ngân sách cấp tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	Trường THPT Hậu Lộc 1	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	2934/QĐ-UBND ngày 09/9/2026	39.900	39.900	39.900	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
15	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Thạch Thành 2	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2026 - 2028	2342/QĐ-UBND ngày 03/8/2026	31.500	31.500	31.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
16	Xây dựng Phân hiệu Đại học Y Hà Nội	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2027 - 2030	2619/QĐ-BYT ngày 17/8/2026	117.039	100.000	100.000	Trường Đại học Y Hà Nội
17	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thanh Hóa	Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2026 - 2027	60/NQ-HĐND ngày 17/7/2026	2.502.904	430.000	430.000	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Kè chống sạt lở kênh tiêu T2, xã Tống Sơn	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2027 - 2029	3084/QĐ-UBND ngày 18/9/2026	90.000	90.000	90.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT
B	**ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT**				**527.500**	**427.500**	**75.273**	
1	Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Y tế, dân số và gia đình	2027 - 2030	3037/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	527.500	427.500	75.273	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
C	**CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC**				**2.087.000**	**1.969.998**	**1.519.725**	
1	Đường nối QL217B với đường giao thông từ Khu công nghiệp Bỉm Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa	Giao thông	2028 - 2031	2645/QĐ-UBND ngày 21/8/2026	550.000	550.000	385.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
2	Đầu tư xây dựng mới cống Ngọc Quang tại K16+300 đê tả sông Chu, xã Xuân Lập	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	2027 - 2029	2920/QĐ-UBND ngày 08/9/2026	130.000	130.000	130.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT
3	Nâng cấp, mở rộng ĐT.501 (đường Trường Thi - Hàm Rồng)	Giao thông	2028 - 2031	2968/QĐ-UBND ngày 11/9/2026	700.000	700.000	490.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông
4	Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Y tế, dân số và gia đình	2027 - 2030	3037/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	527.500	427.500	352.227	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
5	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa Quan Hóa	Y tế, dân số và gia đình	2027 - 2030	3038/QĐ-UBND ngày 15/9/2026	126.500	126.500	126.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
6	Cải tạo, nâng cấp tòa nhà Thư viện tỉnh	Văn hóa	2026 - 2028	3104/QĐ-UBND ngày 21/9/2026	34.000	16.998	16.998	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
7	Sửa chữa, cải tạo nhà ở ký túc xá 5 tầng và mua sắm trang thiết bị phòng ở vận động viên tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Thanh Hóa	Thể dục, thể thao	2026 - 2028	2935/QĐ-UBND ngày 09/9/2026	19.000	19.000	19.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SẮP XẾP, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ KHU VỰC CÓ NGUY CƠ CAO XẢY RA LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT TẠI CÁC XÃ KHU VỰC MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ				**779.214**	**779.214**	**779.214**		
I	**Dự án do UBND các xã làm chủ đầu tư**				**545.800**	**545.800**	**545.800**		*Thực hiện bổ sung có mục tiêu cho UBND cấp xã để triển khai thực hiện*
1	Khu tái định cư bản Cang, xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh	2026 - 2028		28.800	28.800	28.800	UBND xã Mường Chanh	
2	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Tây Tiến (Xi Lồ cũ), xã Mường Lý	Xã Mường Lý	2026 - 2028		21.600	21.600	21.600	UBND xã Mường Lý	
3	Khu tái định cư Bản Suối Tút, Xã Quang Chiểu	Xã Quang Chiểu	2026 - 2028		16.800	16.800	16.800	UBND xã Quang Chiểu	
4	Khu tái định cư bản Bách (nay là bản Ngam), xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2027 - 2028		10.000	10.000	10.000	UBND xã Quan Sơn	
5	Khu tái định cư khu phố Bon (nay là bản Sơn Lư), xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2027 - 2028		25.000	25.000	25.000	UBND xã Quan Sơn	
6	Khu tái định cư khu phố 5 (nay là bản Thanh Sơn), xã Quan Sơn	Xã Quan Sơn	2026 - 2028		7.500	7.500	7.500	UBND xã Quan Sơn	
7	Khu tái định cư Pom Ca Thảy, bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	Xã Sơn Điện	2026 - 2028		19.500	19.500	19.500	UBND xã Sơn Điện	
8	Khu tái định cư bản Tân Sơn, Xã Sơn Điện	Xã Sơn Điện	2026 - 2028		35.000	35.000	35.000	UBND xã Sơn Điện	
9	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Phe, xã Tam Thanh	Xã Tam Thanh	2026 - 2028		16.500	16.500	16.500	UBND xã Tam Thanh	
10	Khu tái định cư bản Mò, xã Tam Thanh	Xã Tam Thanh	2026 - 2028		24.000	24.000	24.000	UBND xã Tam Thanh	
11	Khu tái định cư bản Mùa Xuân, xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	2026 - 2027		5.400	5.400	5.400	UBND xã Sơn Thủy	
12	Khu tái định cư bản Thủy Thành, xã Sơn Thủy	Xã Sơn Thủy	2026 - 2027		21.000	21.000	21.000	UBND xã Sơn Thủy	
13	Khu tái định cư bản Bo Hiềng, Xã Na Mèo	Xã Na Mèo	2026 - 2028		7.200	7.200	7.200	UBND xã Na Mèo	
14	Khu tái định cư bản Pheo (nay là bản Yên), xã Hiền Kiệt	Xã Hiền Kiệt	2026 - 2028		9.500	9.500	9.500	UBND xã Hiền Kiệt	
15	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân khu tái định cư bản Tai Giác, xã Phú Lệ	Xã Phú Lệ	2026 - 2028		14.500	14.500	14.500	UBND xã Phú Lệ	
16	Khu tái định cư Cốc 3, bản Cốc Mới, xã Nam Xuân	Xã Nam Xuân	2026 - 2028		6.000	6.000	6.000	UBND xã Nam Xuân	
17	Khu tái định cư bản Sơn Thành (nay là bản Thành Sơn), xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		16.000	16.000	16.000	UBND xã Trung Thành	
18	Khu tái định cư bản Tang (khu số 2), xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		18.000	18.000	18.000	UBND xã Trung Thành	
19	Khu Tái định cư bản Bai (nay là bản Thành Sơn), xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		11.500	11.500	11.500	UBND xã Trung Thành	
20	Khu Tái định cư bản Cá (nay là bản Tiến Thắng), xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		16.500	16.500	16.500	UBND xã Trung Thành	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn ngân sách cấp tỉnh			
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Khu Tái định cư bản Chiềng, xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		6.500	6.500	6.500	UBND xã Trung Thành	
22	Khu tái định cư bản Tiến Thắng, xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		27.500	27.500	27.500	UBND xã Trung Thành	
23	Khu Tái định cư bản Bước (nay là bản Pu Bước), xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2028		5.500	5.500	5.500	UBND xã Trung Thành	
24	Khu tái định cư thôn Cà, xã Bá Thước	Xã Bá Thước	2026 - 2028		3.600	3.600	3.600	UBND xã Bá Thước	
25	Khu tái định cư thôn Cao, xã Cổ Lũng	Xã Cổ Lũng	2026 - 2028		10.000	10.000	10.000	UBND xã Cổ Lũng	
26	Khu tái định cư thôn Cò Lượn, xã Điền Lư	Xã Điền Lư	2026 - 2028		7.600	7.600	7.600	UBND xã Điền Lư	
27	Khu tái định cư thôn Chiềng Lần, xã Giao An	Xã Giao An	2026 - 2027		6.400	6.400	6.400	UBND xã Giao An	
28	Khu tái định cư thôn Chảo Pi (nay là bản Lâm Phú), xã Văn Phú	Xã Văn Phú	2026 - 2027		9.500	9.500	9.500	UBND xã Văn Phú	
29	Khu tái định cư bản Xắng Hằng, xã Yên Khương	Xã Yên Khương	2026 - 2028		24.000	24.000	24.000	UBND xã Yên Khương	
30	Khu tái định cư bản Hắc (nay là bản Trí Nang), xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn	2026 - 2028		7.600	7.600	7.600	UBND xã Linh Sơn	
31	Khu tái định cư bản Vặn, xã Yên Thắng	Xã Yên Thắng	2026 - 2028		12.500	12.500	12.500	UBND xã Yên Thắng	
32	Khu tái định cư thôn Tân Lập, xã Đồng Lương	Xã Đồng Lương	2026 - 2028		7.200	7.200	7.200	UBND xã Đồng Lương	
33	Khu tái định cư thôn Chiềng Chanh, xã Cẩm Thạch	Xã Cẩm Thạch	2026 - 2028		14.400	14.400	14.400	UBND xã Cẩm Thạch	
34	Khu tái định cư thôn Ná Cà 1 (nay là thôn Thanh Nhân), xã Thanh Quân	Xã Thanh Quân	2026 - 2028		10.000	10.000	10.000	UBND xã Thanh Quân	
35	Khu tái định cư thôn Khong, xã Yên Nhân	Xã Yên Nhân	2026 - 2027		12.500	12.500	12.500	UBND xã Yên Nhân	
36	Khu tái định cư bản Lở (khu số 2), xã Thiên Phủ	Xã Thiên Phủ	2026 - 2028		13.000	13.000	13.000	UBND xã Thiên Phủ	
37	Khu tái định cư bản Kéo Té, xã Nhi Sơn	Xã Nhi Sơn	2026 - 2028		25.200	25.200	25.200	UBND xã Nhi Sơn	
38	Khu tái định cư thôn 5	Xã Hồi Xuân	2026 - 2028		12.500	12.500	12.500	UBND xã Hồi Xuân	
II	**Dự án do các Ban Quản lý dự án chuyên ngành làm chủ đầu tư**				**233.414**	**233.414**	**233.414**		*UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao kế hoạch vốn chi tiết hằng năm cho các dự án theo quy định.*
1	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Nàng (Xa Lung cũ), xã Mường Lý	Xã Mường Lý	2026 - 2027	276/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 2576/QĐ-UBND ngày 18/8/2026	42.000	42.000	42.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
2	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Pù Đứa, xã Quang Chiểu	Xã Quang Chiểu	2026 - 2027	2076/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	13.248	13.248	13.248	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
3	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Yên, xã Mường Mìn	Xã Mường Mìn	2026 - 2027	278/NQ-HĐND ngày 13/7/2024 2807/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 1489/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	22.080	22.080	22.080	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
4	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Xa Lao (bản Ma Hác cũ), Xã Trung Lý	Xã Trung Lý	2026 - 2027	274/NQ-HĐND ngày 13/7/2024 4399/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 1488/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 2646/QĐ-UBND ngày 21/8/2026	21.255	21.255	21.255	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện	Dự kiến thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến tổng mức đầu tư)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định phê duyệt; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn ngân sách cấp tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Suối Lóng, xã Tam Chung	Xã Tam Chung	2026 - 2027	277/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 2580/QĐ-UBND ngày 18/8/2026	22.200	22.200	22.200	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
6	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Chiềng, xã Trung Sơn	Xã Trung Sơn	2026 - 2027	2075/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 2644/QĐ-UBND ngày 21/8/2026	15.870	15.870	15.870	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
7	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Xa Lao (bản Tung cũ), xã Trung Lý	Xã Trung Lý	2026 - 2027	275/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 3075/QĐ-UBND ngày 18/9/2026	37.800	37.800	37.800	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
8	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn My, xã Yên Nhân	Xã Yên Nhân	2026 - 2027	281/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 1491/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 3073/QĐ-UBND ngày 18/9/2026	16.000	16.000	16.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
9	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Tân Lập, xã Trung Thành	Xã Trung Thành	2026 - 2027	634/QĐ-UBND ngày 27/02/2023 4398/QĐ-UBND ngày 04/11/2024 3072/QĐ-UBND ngày 18/9/2026	8.000	8.000	8.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
10	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Lách, xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh	2026 - 2027	273/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 3071/QĐ-UBND ngày 18/9/2026	20.400	20.400	20.400	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông	
11	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Đồng Lườn, xã Xuân Thái	Xã Xuân Thái	2026 - 2027	2074/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	14.561	14.561	14.561	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	